

PHỤ BIỂU GIAO CHỈ TIÊU DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC CHO KHỐI TRƯỜNG HỌC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Tam Xuân)

(Đvt: 1000 đồng)

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi từ nguồn ngân sách cấp							
		Tổng cộng	Tổng quỹ lương (1.490.000 đồng)	Tổng quỹ lương (850.000 đồng)	Kinh phí hoạt động ngoài lương	Trong đó:		Tiền thưởng theo ND 73	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP
						10% tiết kiệm CCTL theo kinh phí hoạt động của đơn vị	Kinh phí hoạt động còn lại		
1	2	3	4	6	9			10	11
	TỔNG SỐ	92.881.584	45.059.303	25.704.971	15.019.768	1.501.977	13.517.791	4.068.483	3.029.060
I	Giáo dục mầm non	20.282.156	9.854.673	5.621.793	3.284.891	328.489	2.956.402	874.804	645.994
1	MGCL Trùng Dương	6.834.689	3.338.010	1.904.234	1.112.670	111.267	1.001.403	295.205	184.570
2	MGCL Hoa Sen	7.064.186	3.544.443	2.021.997	1.181.481	118.148	1.063.333	316.265	
3	MGCL Trúc Đào	6.383.281	2.972.220	1.695.562	990.740	99.074	891.666	263.334	461.425
II	Giáo dục tiểu học	40.675.423	19.844.115	11.320.468	6.614.705	661.471	5.953.234	1.807.173	1.088.962
4	TH Ngô Mỹ	5.125.888	2.474.907	1.411.860	824.969	82.497	742.472	229.582	184.570
5	TH Nguyễn Chí Thanh	7.980.886	3.952.174	2.254.596	1.317.391	131.739	1.185.652	353.892	102.832
6	TH Lý Tự Trọng	7.441.008	3.538.062	2.018.357	1.179.354	117.935	1.061.419	315.001	390.233
7	TH Nguyễn Văn Trỗi	7.965.919	3.836.064	2.188.359	1.278.688	127.869	1.150.819	354.313	308.495
8	TH Đỗ Thế Cháp	5.431.068	2.718.527	1.550.838	906.176	90.618	815.558	255.528	
9	TH Lê Văn Tám	6.730.654	3.324.381	1.896.459	1.108.127	110.813	997.314	298.855	102.832
III	Giáo dục THCS	31.924.005	15.360.515	8.762.710	5.120.172	512.017	4.608.155	1.386.506	1.294.103
10	THCS Lý Thường Kiệt	13.349.907	6.400.062	3.651.042	2.133.354	213.335	1.920.019	568.171	597.278
11	THCS Chu Văn An	8.821.105	4.221.263	2.408.103	1.407.088	140.709	1.266.379	386.465	398.186
12	THCS Phan Bá Phiến	9.752.993	4.739.189	2.703.564	1.579.730	157.973	1.421.757	431.870	298.639